

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K T
TỈNH K T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST

Ngày 10 - 8 - 2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K T- TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn L.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Duy C;

2/ Bà Lê Thị Ngọc Ph.

Thư ký phiên Tòa: Bà Bùi Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng D - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh K T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021, về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2021/QĐST-DS ngày 19/7/2021 giữa các đương sự.

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), địa chỉ: 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chung – Phó Giám đốc NHCSXH chi nhánh tỉnh Kon Tum; Có mặt.

Địa chỉ: 309 Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- ***Bị đơn:*** Bà Từ Thị Gi, sinh năm 1980 và ông Lê Anh D, sinh năm 1979. Đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 09, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Chung trình bày:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/6/2015 giữa chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH)

tỉnh K T với bà Từ Thị Gi về việc vay vốn chương trình phát triển kinh tế vùng kinh tế khó khăn cho hộ gia đình cận nghèo. Ngày 20/6/2015, chi nhánh NHCSXH tỉnh K T đã giải ngân (bằng tiền mặt) cho bà Từ Thị Gi vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất 0,660 %/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,858%/tháng, thời hạn 60 tháng, ngày trả cuối cùng 20/6/2020. Cho vay bằng tín chấp (không có bảo đảm bằng tài sản).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 06/7/2020 hộ bà Từ Thị Gi đã trả được một phần tiền gốc đến là 1.808.123 đồng và 14.627.803 đồng tiền lãi.

Từ ngày 06/7/2020 hộ bà Từ Thị Gi không trả được nợ đúng theo cam kết đã ký, Ngân hàng SCXH đã chuyển nợ quá hạn toàn bộ số tiền gốc còn lại của hộ bà Giàu là 38.191.877 đồng sang nợ quá hạn. Mặc dù Tổ trưởng tổ vay vốn, cán bộ chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh K T đã đôn đốc gia đình bà Giàu trả nợ nhiều lần nhưng không được. Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố K T thuộc bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D phải trả nợ cho Ngân hàng CSXH số tiền gốc 38.191.877 đồng, lãi trong hạn 14.209.600 đồng, lãi quá hạn 4.369.151 đồng tổng cộng là 58.770.628 đồng (Lãi tính đến ngày 10/8/2021) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2021 đến ngày tất toán hết món nợ.

-Đối với bị đơn: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K T đã triệu tập hợp lệ (niêm yết công khai) các văn bản tố tụng cho bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D theo quy định của [Bộ luật tố tụng Dân sự](#) nhưng bà Giàu và ông Dũng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân thành phố K T đã xác minh được bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D hiện nay có hộ khẩu tại thôn 09, xã Đăk Cấm, thành phố K T nhưng hiện nay sinh sống làm việc ở đâu không rõ, không có mặt tại nơi cư trú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án về việc tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 106, 107, 280, 285, 290, 474 và 478 BLDS 2005 và Điều 288, 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 688 của BLDS 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum, buộc bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D phải liên đới trả cho chi nhánh NHCSXH tỉnh K T số tiền gốc là 38.191.877 đồng, lãi trong hạn 14.209.600 đồng, lãi quá hạn 4.369.151 đồng tổng cộng là 58.770.628 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2021 đến ngày tất toán hết món nợ.

- Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội: Buộc bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/6/2015, Căn cứ các Điều 471, 474, 478 [Bộ luật dân sự 2005](#) và Điều 688 [Bộ luật dân sự 2015](#) HĐXX xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Giao dịch giữa các bên thực hiện tại chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kon Tum. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn 09, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 và Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn phù hợp theo quy định nên được Tòa án chấp nhận.

Đối với bị đơn bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho mình và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án và không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo giấy nhận nợ ngày 20/6/2015 thì số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 40.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 20/6/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D đã trả cho NHCSXH số tiền là 1.808.123 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 38.191.877 đồng.

Đã hết thời hạn vay bà Từ Thị Gi, ông Lê Anh D không trả được nợ đúng theo cam kết đã ký, Ngân hàng SCXH đã chuyển nợ quá hạn toàn bộ số tiền còn dư nợ của gia đình bà Giàu, ông Dũng là 38.191.877 đồng sang nợ quá hạn. Mặc dù Tổ trưởng tổ vay vốn, cán bộ chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh K Tđã đôn đốc gia đình bà Giàu trả nợ nhiều lần nhưng không được. Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố K Tbuộc bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D phải trả nợ cho Ngân hàng CSXH số tiền gốc 38.191.877 đồng, lãi trong hạn 14.209.600 đồng, lãi quá hạn 4.369.151 đồng tổng cộng là 58.770.628 đồng (Lãi tính đến ngày 10/8/2021) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2021 đến ngày tất toán hết món nợ.

Đối với chị ông Lê Anh D, chồng bà Giàu, là thành viên của hộ gia đình ông Dũng đã có giấy ủy quyền để ủy quyền cho bà Giàu đứng ra vay vốn của Ngân hàng, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ. Căn cứ quy định tại Điều 107 Bộ luật dân sự năm 2005 “*Giao dịch dân sự do người đại diện của*

hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình". Vì vậy, ông Lê Anh D phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Giàu trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể: $58.770.628 \times 5\% = 2.938.531$ đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 106, 107, 280, 285, 290, 471, 474 và 478 BLDS 2005 và Điều Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 688 của BLDS 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội. Buộc bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội, thông qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh K Tsô tiền nợ gốc 38.191.877 đồng, lãi trong hạn 14.209.600 đồng, lãi quá hạn 4.369.151 đồng. Tổng số tiền bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội là tổng cộng là 58.770.628 đ (*Năm mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng*)

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL, đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*".

3. Về tiền án phí: Buộc bị đơn bà Từ Thị Gi và ông Lê Anh D phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.938.531 đ (*Hai triệu chín trăm ba tám nghìn năm trăm ba mươi một đồng*).

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh K Tyêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tp Kon Tum;
- Chi cục THADS tp Kon Tum;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

